

Số: /SNN&PTNT-PTNT
V/v báo cáo kết quả thực hiện Kế
hoạch số 166/KH-UBND ngày
20/6/2022 của UBND tỉnh về thực
hiện Chiến lược công tác dân tộc

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Ban Dân tộc Thanh Hoá.

Thực hiện Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỐ 166/KH-UBND

Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức, triển khai quán triệt các nội dung Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đến các phòng, đơn vị trực thuộc Sở; bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao, lồng ghép vào các chương trình hoạt động, phối hợp với các cơ quan truyền thông nhằm thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đồng bào dân tộc thiểu số trong sản xuất, kinh doanh góp phần đẩy mạnh tái cơ cấu, phát triển ngành nông nghiệp bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Tiếp tục cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; rà soát, đề xuất để hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc

Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành: quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025; Ban hành các bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao, huyện NTM nâng cao, tiêu chí thôn thông minh và tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025 theo lĩnh vực nổi trội nhất; hỗ trợ phát triển quảng bá giới thiệu, bán các sản phẩm OCOP cấp tỉnh; biên tập phát hành 9 số Bản tin NTM, bản tin sản xuất, thị trường và tiêu thụ sản phẩm, tiếp tục phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí để thông tin, tuyên truyền về xây dựng NTM và Chương trình OCOP.

Theo kế hoạch của tỉnh, trong năm 2022, phân đầu trên địa bàn 11 huyện

miền núi có 11 xã, 55 thôn đạt chuẩn NTM; 03 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 01 xã, 16 thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 36 sản phẩm OCOP.

Đến nay, có 04 xã đạt chuẩn NTM; chưa có xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; có 02 thôn đạt chuẩn NTM; 30 Sản phẩm OCOP được công nhận.

2. Về phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Về phát triển nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh

a) Về trồng trọt:

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra thực hiện các biện pháp, cơ cấu giống và thời vụ gieo trồng, chăm sóc, bảo vệ và phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng; chỉ đạo chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn; dồn điền, đổi thửa, tích tụ, tập trung đất đai; đẩy mạnh các hình thức liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản; tăng cường công tác quản lý vật tư hàng hoá nông nghiệp; khảo sát, rà soát, tổng hợp diện tích cây gai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; phối hợp liên ngành hướng dẫn quy trình thực hiện chính sách cây gai xanh; xây dựng Phương án sản xuất vụ Đông năm 2022 - 2023 và Kế hoạch sản xuất ngành Trồng trọt năm 2023.

- Năm 2022, tổng diện tích gieo trồng 129.771,4 ha, trong đó: Diện tích lúa 54.738,6 ha; năng suất 56 tạ/ha; sản lượng 306.536,2 tấn; Diện tích ngô 19.022,3 ha; năng suất 44 tạ/ha, sản lượng 83.698,1 tấn; Diện tích sắn 12.307,7 ha; năng suất 152 tạ/ha; sản lượng 187.077 tấn; Diện tích lạc 1.623,7 ha, năng suất 20 tạ/ha, sản lượng 3.247,4 tấn; Diện tích mía 3.436,4 ha, năng suất 660 tạ/ha, sản lượng 226.799,1 tấn; Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2022: dự kiến 390.234,3 tấn; Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người: 413,6 kg.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp cho 11 huyện miền núi, tổng kinh phí hỗ trợ 41,645 tỷ đồng, bao gồm: Chính sách hỗ trợ sản xuất vụ Đông hàng năm; Chính sách chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao theo Nghị quyết số 192/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh; Chính sách hỗ trợ phát triển cây gai xanh nguyên liệu theo Nghị quyết 385/2021/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh; Cơ chế chính sách phát triển cây ăn quả, rau an toàn theo Nghị Quyết 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

b) Về Chăn nuôi, thú y:

- Tập trung cao, đẩy mạnh các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; chỉ đạo phát triển chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thúc đẩy phát triển chăn nuôi nông hộ theo hướng an toàn, bền vững; chỉ đạo tiêm phòng vacxin gia súc, gia cầm đợt 1 năm 2022; đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án chăn nuôi trang trại quy mô lớn; tăng cường quản lý giống vật

nuôi, thức ăn chăn nuôi và chất cấm trong chăn nuôi; đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong tổ chức sản xuất phát triển chăn nuôi; hình thành các vùng, liên vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao, phát triển các chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến tiêu thụ, cụ thể:

+ Tổng đàn trâu: 117 nghìn con; tổng đàn bò: 99 nghìn con; tổng đàn lợn: 490 nghìn con; tổng đàn gia cầm: 6,1 triệu con.

+ Tổng số trang trại chăn nuôi có trên địa bàn 11 huyện miền núi: 217 trang trại. Trong đó: trang trại chăn nuôi lợn có 155 trang trại; trang trại chăn nuôi gia cầm có 51 trang trại; trang trại chăn nuôi trâu có 06 trang trại; trang trại chăn nuôi bò có 05 trang trại.

- Năm 2022, Sở đã phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện miền núi triển khai, hỗ trợ công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn 11 huyện miền núi, kết quả đạt được như sau:

+ Kết quả tiêm phòng vắc xin đợt 1 năm 2022: Vắc-xin cúm gia cầm được 1.817.000 liều đạt 89,68% diện tiêm; vắc-xin Đại chó mèo được 73.400 liều đạt 73,53% diện tiêm; vắc-xin THT trâu bò được 130.500 liều đạt 88,84% diện tiêm, LMLM trâu bò được 130.800 liều đạt 88,84% diện tiêm; vắc-xin VDNC được 130.750 liều đạt 89,01% diện tiêm; vắc-xin Dịch tả lợn được 94.600 liều đạt 77,2% diện tiêm; vắc-xin tụ máu lợn được 75.900 liều đạt 61,94% diện tiêm.

+ Kết quả tiêm phòng vắc xin đợt 2 năm 2022: Vắc-xin cúm gia cầm được 1.467.000 liều đạt 72,41% diện tiêm; vắc-xin Đại chó mèo được 74.720 liều đạt 87,17% diện tiêm; vắc-xin THT trâu bò được 104.625 liều đạt 83,1%, LMLM trâu bò được 103.875 đạt 82,51% diện tiêm; vắc-xin VDNC được 11.650 liều đạt 61,69% diện tiêm; vắc-xin Dịch tả lợn được 77.912 đạt 62,06% diện tiêm; vắc-xin tụ máu lợn được 77.912 liều đạt 62,06% diện tiêm.

c) Về lâm nghiệp:

Thực hiện tốt các biện pháp phòng, cháy chữa cháy rừng, đảm bảo an ninh rừng; kiểm tra giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; kịp thời phát hiện, xử lý các vi phạm về khai thác, vận chuyển lâm sản; thực hiện tốt công tác theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp; đề xuất phân cấp quản lý, thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù về sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh; hoàn thành Điều tra, khảo sát, xây dựng khu giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh; rà soát đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội môi trường trong quản lý sử dụng đất đai tại các Ban quản lý rừng phòng hộ.

Nuôi cấy, ghép, giâm hom được một số loài cây lâm nghiệp từ rừng tự nhiên; lưu giữ và phát triển các nguồn gen phục vụ trồng rừng trên địa bàn tỉnh nói chung, khu vực dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng. Ứng dụng kỹ thuật lâm sinh tác động, phát triển rừng tự nhiên có đa cây mục đích, sinh khối nghèo thành rừng có sinh khối giàu đáp ứng nhu cầu kinh doanh gỗ lớn trên địa bàn tỉnh.

d) Về sản xuất, chế biến nông, lâm sản, thủy sản:

Phối hợp với UBND huyện miền núi tổ chức đánh giá, lựa chọn, hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn; Tổ chức hướng dẫn xây dựng, đánh giá chứng nhận quy trình sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP trong trồng trọt; VietGAHP trong chăn nuôi; các vùng sản xuất rau an toàn tập trung tại các huyện Cẩm Thủy, Bá Thước, Thường Xuân... Việc hỗ trợ, xây dựng các mô hình áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến trong trồng trọt, chăn nuôi đã góp phần thay đổi tập quán canh tác của đồng bào dân tộc từ lạc hậu, thủ công dần thay bằng tập quán canh tác hiện đại, áp dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật cao trong sản xuất; góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Từng bước nâng cao tính ổn định, giảm dần tính phụ thuộc vào thời tiết trong sản xuất nông nghiệp của đồng bào dân tộc.

e) Về triển khai thực hiện các dự án phát triển sản xuất Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững:

Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu xây dựng các nghị quyết của HĐND tỉnh và quyết định của UBND tỉnh: Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quy định mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định của UBND tỉnh về quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 – 2025.

2.2. Tình hình triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022

Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Công văn số 3577/SNN&PTNT-KL ngày 31/8/2022 hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3, Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 4324/SNN&PTNT-KL ngày 14/10/2022 triển khai, hướng dẫn thực hiện Thông tư tư số 12/2022/TTBNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; Công văn số 4665/SNN&PTNT-KL ngày 31/10/2022 về việc tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3, Chương trình MTQG phát triển kinh tế -

xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

*** Kết quả thực hiện năm 2022:**

Tiểu dự án 1 thực hiện trên địa bàn 43/45 xã khu vực II, khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Thanh Hóa (có 02 xã là Thọ Bình và Bình Sơn, huyện Triệu Sơn chỉ có diện tích rừng trồng sản xuất, không thuộc nội dung hỗ trợ bảo vệ rừng của Tiểu dự án 1). Căn cứ vào khối lượng và kinh phí đã được phân bổ tại Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh, căn cứ vào hồ sơ thiết kế bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng chuyên tiếp; đối với diện tích Hỗ trợ bảo vệ rừng, UBND các huyện đã xây dựng kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1 năm 2022 chi tiết đến cấp xã; đối với diện tích hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc đã ký từ đầu năm, UBND xã, các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng đã tổ chức ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng chính thức với các hộ gia đình, cộng đồng.

Dự kiến công tác nghiệm thu sẽ được tiến hành trong tháng 12, làm căn cứ thanh toán kinh phí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho 93 cộng đồng và 1.254 hộ gia đình, hỗ trợ bảo vệ rừng cho 100 cộng đồng và 6.705 hộ gia đình .

2.3. Triển khai thực hiện “Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025”

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 29/01/2022 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án và Quyết định số 917/QĐ-BCĐ ngày 14/3/2022 phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ đạo thực hiện Đề án; Kế hoạch số 137/KH-BCĐ ngày 17/5/2022 về việc thực hiện Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2022-2025.

- Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ kinh phí di chuyển của các hộ dân và kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét sạt lở đất tại các huyện miền núi, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư 11 dự án trên địa bàn các huyện Mường Lát, Quan Sơn, Thường Xuân, Bá Thước sắp xếp, ổn định cho 389 hộ dân với tổng mức đầu tư cơ sở hạ tầng là 97.950 triệu đồng; trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, tham mưu cho lãnh đạo Sở có văn bản gửi UBND các huyện nêu trên về việc triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo tiến độ các Dự án sắp xếp ổn định dân cư.

- Kiểm tra, hướng dẫn, phối hợp với UBND các huyện Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hóa, Thường Xuân, Bá Thước, Lang Chánh, Thạch Thành lập và hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án tái định cư năm 2023 theo ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

- Điểm xuất phát của nền kinh tế đồng bào dân tộc thấp kém, địa bàn sản

xuất xa nơi ở, bình quân đất sản xuất nông nghiệp đầu người thấp, lại phân bố phân tán, manh mún.

- Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, trình độ nhận thức của dân trí thấp nên rất khó khăn trong việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất và cơ giới hoá; giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích còn thấp. Tình hình thiên tai, dịch bệnh diễn ra ngày càng phức tạp đã làm thiệt hại đáng kể tới cây trồng, vật nuôi.

- Phát triển chăn nuôi mang tính tự phát, nhỏ lẻ, chủ yếu là hình thức chăn nuôi hộ gia đình, tập quán chăn nuôi lạc hậu, chưa có sự đầu tư tích cực; đối với các hộ chăn nuôi đại gia súc chưa có đồng cỏ được quy hoạch để chuyên trồng cỏ chăn nuôi. Nhiều nơi còn chăn nuôi trâu, bò thả rông nên rất dễ lây lan dịch bệnh và chết rất nhiều khi có rét đậm, rét hại xảy ra.

- Việc huy động dân đóng góp kinh phí xây dựng các công trình phục vụ nông nghiệp, nông thôn gặp nhiều khó khăn do đời sống nhân dân còn thấp, trong khi đó nguồn vốn ngân sách còn hạn chế.

- Diện tích đất hoang hóa, chưa sử dụng của các địa phương hạn hẹp, nên chưa tìm được quỹ đất phù hợp, đảm bảo an toàn để người dân di chuyển đến xây dựng nhà ở, ổn định đời sống.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch s 166/KH-UBND chỉ đạo, hướng dẫn phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững; tập trung vào các chương trình nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi chủ lực có thế mạnh của tỉnh, các tiến bộ mới, phương pháp canh tác mới; liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi nhằm nâng cao giá trị sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường, sản xuất theo hướng VietGAP, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

Đề nghị Ban Dân tộc xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, PTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Cường